TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 288/2018/QĐST- HNGĐ	*M, ngày 05 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 365/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/9/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần P**, sinh năm 1982;

- Bị đơn: Anh **Phùng T**, sinh năm 1977.

Đều trú tại: khu L, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần P và anh Phùng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị P, anh T có hai con chung cháu Phùng A, sinh ngày 26/12/2002 và cháu Phùng T1, sinh ngày 15/10/2004. Chị P, anh T thỏa thuận, khi ly hôn: Giao cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Phùng A và cháu Phùng T1. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai con chung là 2.000.000đ/tháng. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng

nuôi con chung kể từ tháng 10/2018 đến khi cả hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị P, anh T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận và giải quyết với nhau. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị P tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ và tự nguyện chịu thay tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 150.000đ, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001852 ngày 25/9/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Chi cục THA Dân sư huyện M;
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã An Lưu, huyện M, tỉnh Hải Dương)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Khánh